

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BGDĐT Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư
vốn ngân sách nhà nước năm 2024 (đợt 2)**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 4633/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1090/QĐ-BGDĐT ngày 09/4/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 (đợt 2) và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 (đợt 2) cho các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chi tiết theo các Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

1. Các đơn vị được điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn:

a) Khẩn trương tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước được giao tại Điều 1 Quyết định này;

b) Xây dựng kế hoạch triển khai, tiến độ giải ngân, cam kết giải ngân cho dự án được điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 22/10/2024; có giải pháp quyết liệt đảm bảo thực hiện và giải ngân hết kế hoạch vốn được phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành;

c) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ và pháp luật về tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được phân bổ;

d) Định kỳ hằng tháng, quý và cả năm báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn được phân bổ về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính).

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện và giải ngân của các dự án; định kỳ hằng tháng, quý và cả năm báo cáo Lãnh đạo Bộ về tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn được giao để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ trưởng Vụ Cơ sở vật chất, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (để b/c);
- KBNN nơi đơn vị giao dịch (gửi qua chủ đầu tư);
- Vụ Cơ sở vật chất, Vụ Giáo dục dân tộc (để p/h);
- Lưu: VT, KHTC (CT).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thương

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số 2834 /QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 đã phân bổ theo Quyết định số: 4633/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2023; 1090/QĐ-BGDĐT ngày 09/4/2024			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ							6.052.463	5.949.212	3.939.730	767.290	801.765	-	-	119.380	119.380	801.765	-	-	
	Vốn trong nước							1.706.715	1.603.464	1.221.275	228.557	171.855	-	-	64.423	64.423	171.855	-	-	
	Vốn nước ngoài, trong đó:							4.345.748	4.345.748	2.718.455	538.733	629.910	-	-	54.957	54.957	629.910	-	-	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi							4.345.748	4.345.748	2.718.455	538.733	629.910	-	-	54.957	54.957	629.910	-	-	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Vốn ngân sách nhà nước							6.052.463	5.949.212	3.939.730	767.290	801.765	-	-	119.380	119.380	801.765	-	-	
	Vốn trong nước							1.706.715	1.603.464	1.221.275	228.557	171.855	-	-	64.423	64.423	171.855	-	-	
	Vốn nước ngoài, trong đó:							4.345.748	4.345.748	2.718.455	538.733	629.910	-	-	54.957	54.957	629.910	-	-	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi							4.345.748	4.345.748	2.718.455	538.733	629.910	-	-	54.957	54.957	629.910	-	-	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Vốn ngân sách nhà nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực							5.752.463	5.649.212	3.639.730	767.290	744.530	-	-	117.420	117.420	744.530	-	-	
	Vốn trong nước							1.406.715	1.303.464	921.275	228.557	114.620	-	-	62.463	62.463	114.620	-	-	
	Vốn nước ngoài, trong đó:							4.345.748	4.345.748	2.718.455	538.733	629.910	-	-	54.957	54.957	629.910	-	-	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi							4.345.748	4.345.748	2.718.455	538.733	629.910	-	-	54.957	54.957	629.910	-	-	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Giáo dục và đào tạo							5.418.463	5.349.212	3.339.730	767.290	744.530	-	-	111.100	117.420	738.210	-	-	

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 đã phân bổ theo Quyết định số: 4633/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2023; 1090/QĐ-BGDĐT ngày 09/4/2024			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
	Vốn trong nước							1.072.715	1.003.464	621.275	228.557	114.620	-	-	56.143	62.463	108.300	-	-	
	Vốn nước ngoài, trong đó:							4.345.748	4.345.748	2.718.455	538.733	629.910	-	-	54.957	54.957	629.910	-	-	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi							4.345.748	4.345.748	2.718.455	538.733	629.910	-	-	54.957	54.957	629.910	-	-	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Dự án Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2	Cả nước	VP KBNN Hà Nội	7979183	073	2015-2023	358/QĐ-TTg (10/3/2014), 2178/QĐ-BGDĐT (23/6/2014), 405/QĐ-TTg (19/3/2021), 1394/QĐ-BGDĐT (26/4/2021)	2.153.508	2.153.508	571.129	503.646	49.959	-	-	-	802	49.157	-	-	
	Vốn trong nước							301.028	301.028	49.959	-	49.959	-	-	-	802	49.157	-	-	
	Vốn nước ngoài, trong đó:							1.852.480	1.852.480	521.170	503.646	-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi							1.852.480	1.852.480	521.170	503.646	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Tiểu dự án 1: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các công trình cấp thiết cho Đại học Đà Nẵng tại Hòa Quý - Điện Ngọc, vay vốn Ngân hàng Thế giới thuộc Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các công trình cấp thiết cho Đại học Đà Nẵng tại Hòa Quý - Điện Ngọc	Đại học Đà Nẵng	VP KBNN Đà Nẵng	7872797	081	2021-2025	741/QĐ-TTg (02/6/2020), 1060/QĐ-TTg (21/7/2020), 3760/QĐ-BGDĐT (29/10/2021)	2.814.460	2.768.014	2.465.000	57.248	673.571	-	-	-	98.618	574.953	-	-	
	Vốn trong nước							464.460	418.014	350.000	57.248	43.661	-	-	-	43.661	-	-	-	
	Vốn nước ngoài, trong đó:							2.350.000	2.350.000	2.115.000	-	629.910	-	-	-	54.957	574.953	-	-	
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi							2.350.000	2.350.000	2.115.000	-	629.910	-	-	-	54.957	574.953	-	-	

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 đã phân bổ theo Quyết định số: 4633/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2023; 1090/QĐ-BGDĐT ngày 09/4/2024			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
3	Dự án đầu tư xây dựng Cải tạo, nâng cấp nhà A - Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp	Hà Nội	KBNN Đồng Đa - Hà Nội	7973072	081	2023-2025	1546/QĐ-BGDĐT (13/5/2021); 1682/QĐ-BGDĐT (17/6/2022)	38.600	35.000	35.000	-	21.000	-	-	-	18.000	3.000	-	-	
	Vốn trong nước							38.600	35.000	35.000	-	21.000	-	-	-	18.000	3.000	-	-	
4	Dự án Đền bù giải phóng mặt bằng của Đại học Huế	Huế	VP KBNN Thừa Thiên Huế	7838253	081	2020-2024	1443/QĐ-BGDĐT (02/6/2020); 4974/QĐ-BGDĐT (30/12/2021)	120.000	120.000	105.000	68.999	-	-	-	22.000	-	22.000	-	-	
	Vốn trong nước							120.000	120.000	105.000	68.999	-	-	-	22.000	-	22.000	-	-	
5	Dự án đầu tư xây dựng Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1 tại phường Long Phước, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	HCM	VP KBNN Hồ Chí Minh	7159542	081	2015-2023	4982/QĐ-BGDĐT (30/10/2015), 2328/QĐ-BGDĐT (28/6/2018), 1145/QĐ-BGDĐT (01/4/2021)	260.000	260.000	76.000	220.192	-	-	-	34.143	-	34.143	-	-	
	Vốn trong nước							120.000	120.000	76.000	95.192	-	-	-	34.143	-	34.143	-	-	

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 đã phân bổ theo Quyết định số: 4633/QĐ-BGDDT ngày 29/12/2023; 1090/QĐ-BGDDT ngày 09/4/2024			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)			Ghi chú		
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó	Tổng số			Trong đó		Tổng số		Trong đó	
								Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước								Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản			Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản
6	Dự án Nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học và khám chữa bệnh tại trường Đại học Y Dược và bệnh viện trường Đại học Y Dược - Đại học Huế	Huế	VP KBNN Thừa Thiên Huế	7510724	081	2014-2024	5006/QĐ-BGDDT (30/4/2014), 2359/QĐ-BGDDT (16/8/2023), 554/QĐ-TTg (21/6/2024)	171.895	152.690	87.601	42.205	-	-	-	54.957	-	54.957	-	-			
	Vốn trong nước							28.627	9.422	5.316	7.118	-	-	-	-	-	-	-	-			
	Vốn nước ngoài, trong đó:							143.268	143.268	82.285	35.087	-	-	-	54.957	-	54.957	-	-			
	- Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế ghi thu ghi chi							143.268	143.268	82.285	35.087	-	-	-	54.957	-	54.957	-	-			
	Khoa học và Công nghệ							334.000	300.000	300.000	-	-	-	-	6.320	-	6.320	-	-			
	Vốn trong nước							334.000	300.000	300.000	-	-	-	-	6.320	-	6.320	-	-			
1	Dự án đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm dùng chung khu vực Bắc, Trung, Nam (giai đoạn 2)	Hà Nội	VP KBNN Hà Nội	8029077	081	2023-2025	892/QĐ-BGDDT (21/3/2024)	334.000	300.000	300.000	-	-	-	-	6.320	-	6.320	-	-			
	Vốn trong nước							334.000	300.000	300.000	-	-	-	-	6.320	-	6.320	-	-			
	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia							300.000	300.000	300.000	-	57.235	-	-	1.960	1.960	57.235	-	-			
	Vốn trong nước							300.000	300.000	300.000	-	57.235	-	-	1.960	1.960	57.235	-	-			
	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							300.000	300.000	300.000	-	57.235	-	-	1.960	1.960	57.235	-	-			
	Vốn trong nước							300.000	300.000	300.000	-	57.235	-	-	1.960	1.960	57.235	-	-			

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 đã phân bổ theo Quyết định số: 4633/QĐ-BGDDĐT ngày 29/12/2023; 1090/QĐ-BGDDĐT ngày 09/4/2024			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung (đợt 2)			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn ngân sách nhà nước				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy, học tập cho Trường Đại học Tây Bắc	Tây Bắc	VP KBNN Hà Nội	8029075	081	2023-2025	4542/QĐ-BGDDĐT (28/12/2023), 4543/QĐ-BGDDĐT (28/12/2023), 4547/QĐ-BGDDĐT (28/12/2023)	150.000	150.000	150.000	-	57.235	-	-	-	1.960	55.275	-	-	
	Vốn trong nước							150.000	150.000	150.000	-	57.235	-	-	-	1.960	55.275	-	-	
2	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo Trường Hữu nghị T78	Hà Nội			081	2023-2025	2765/QĐ-BGDDĐT ngày 25/9/2023	150.000	150.000	150.000	-	-	-	-	1.960	-	1.960	-	-	
	Vốn trong nước							150.000	150.000	150.000	-	-	-	-	1.960	-	1.960	-	-	